

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH KON TUM**

*Số: 31/2022/QĐST – HNGĐ*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*N, ngày 29 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 67/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P; sinh năm 1984;

Bị đơn: Anh Phạm Tài T; sinh năm 1974;

Cùng trú tại: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị P và anh Phạm Tài T;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Phạm Tài T thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 29/8/2022).

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung, cháu Phạm Thị M, sinh ngày 15/3/2004 đã trưởng thành, tự lập được nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. 03 cháu còn lại chị Lê Thị P nhận nuôi theo nguyện vọng của các cháu là: Cháu Phạm Thị M, sinh ngày 06/6/2006; cháu Phạm Thị Mỹ L, sinh

ngày 09/10/2010; cháu Phạm Tài L, sinh ngày 15/10/2011 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi 03 con.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

-Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Lê Thị P và anh Phạm Tài T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị P nhận nộp thay cho anh T nên chị P phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Chị P được khấu trừ 150.000đ tiền tạm ứng án phí và được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002788 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn; Bị đơn
- VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã B, H. B,  
Kon Tum (nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hảo**